

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1663/TTr-SKHĐT ngày 27/3/2019 và Báo cáo thẩm tra số 325/BC-VP ngày 02/4/2019 của Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa (có phụ lục kèm theo).

Bãi bỏ Quyết định số 3589/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (bản điện tử);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *cham*

Lê Thị Thìn

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN
VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1230 /QĐ-UBND ngày 08 /4/2019
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG

STT	Số hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam			
1	THA- 289681	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Quyết định số 01/2019/QĐ- UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa sửa đổi một số điều của Quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; chấp thuận địa điểm đầu tư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ/ BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NGHI SƠN VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA.

Thủ tục: Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1. Trình tự thực hiện

a) **Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả:

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Điện Biên, TP. Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa).

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa tại Km 372 Quốc lộ 1A, xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ đề nghị Quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư về cơ quan chủ trì thẩm định dự án đầu tư. Cụ thể:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tiếp nhận và giải quyết đối với dự án đầu tư thực hiện ngoài Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp đã được thành lập trên địa bàn tỉnh và không thuộc trường hợp dự án được phân cấp cho UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư; Dự án đầu tư thực hiện đồng thời ở trong và ngoài Khu Kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp: Tiếp nhận và giải quyết đối với dự án đầu tư thực hiện tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu vực thuộc phạm vi của Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc không phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước 2:

Trong cùng ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp chuyển hồ sơ về Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư để chủ trì, thẩm định theo quy định.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư, Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến phạm vi quản lý nhà nước của mình và tổ chức đi kiểm tra, khảo sát thực tế cùng với các sở,

ngành, địa phương liên quan nếu cần thiết (các sở, ngành, địa phương khác không được tự đi kiểm tra, khảo sát thực tế).

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 03 ngày làm việc từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư có văn bản không tiếp nhận, xử lý hồ sơ (kèm theo hồ sơ) gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp để trả cho nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản (kèm theo hồ sơ dự án đầu tư), cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định bằng văn bản những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình và gửi Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư. Trường hợp quá thời hạn quy định, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản thẩm định thì xem như đã đồng ý với nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp: Thẩm định các nội dung đề xuất của nhà đầu tư có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước về đầu tư.

- Sở Xây dựng: Thẩm định các nội dung về địa điểm xây dựng, ranh giới xây dựng, sự phù hợp với quy hoạch xây dựng (về chức năng), sự phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng (về mật độ xây dựng, tầng cao, hệ số sử dụng đất), điều kiện hạ tầng để thực hiện dự án, sự ảnh hưởng của dự án đến các khu vực lân cận và vấn đề khác liên quan đến quản lý nhà nước về xây dựng.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Thẩm định các nội dung về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; các yêu cầu về môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; việc chấp hành pháp luật đất đai và môi trường của nhà đầu tư và các vấn đề khác liên quan đến quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, môi trường.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Thẩm định công nghệ đối với các dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, các dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.

- Các sở, ngành thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành: Thực hiện thẩm định các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành quản lý theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện: Thẩm định về sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; địa điểm, ranh giới, diện tích, nguồn gốc, loại đất hiện trạng sử dụng đất; khả năng đáp ứng quỹ đất của địa phương cho dự án và các vấn đề khác có liên quan đến địa bàn đầu tư.

- Dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tại đảo và xã, phường, thị trấn biên giới, ven biển không thuộc trường hợp Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư, Cơ quan chủ trì thẩm định có trách nhiệm xin ý kiến của các Bộ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn lấy ý kiến các đơn vị liên quan, Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

- Thông tin về dự án: thông tin về nhà đầu tư, tên dự án, mục tiêu, quy mô, địa điểm, diện tích sử dụng đất, tổng vốn đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án;

- Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (đối với dự án có mục tiêu thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài);

- Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng hưởng ưu đãi đầu tư);

- Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Trong báo cáo thẩm định, Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư phải nêu ý kiến cụ thể của từng sở, ngành, địa phương được lấy ý kiến. Trường hợp các sở, ngành, địa phương có ý kiến không thống nhất với nhau thì Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư phải nêu rõ quan điểm của mình về ý kiến của các sở, ngành, địa phương và cơ sở pháp lý đề xuất để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ dự án đầu tư dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (theo Mẫu số II.1 Phụ lục II Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) và văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến cơ quan Trung ương hoặc Tỉnh ủy đối với dự án phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan Trung ương hoặc Tỉnh ủy trước khi quyết định chủ trương đầu tư.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định (kèm theo hồ sơ), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp dự án phải có ý kiến chấp thuận của cơ quan Trung ương hoặc Tỉnh ủy trước khi quyết định chủ trương đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thăm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, xin ý kiến cơ quan Trung ương hoặc Tỉnh ủy. Sau khi có ý kiến của cơ quan Trung ương hoặc Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư, cụ thể:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư;

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức;

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

- Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;

- Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính;

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

b) Số lượng hồ sơ: 04 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhà đầu tư.

6. Cơ quan thực hiện và quyết định thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định TTHC: UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp khác.

- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; các Sở, ngành liên quan; UBND cấp huyện; các Bộ liên quan (nếu có); cơ quan Trung ương hoặc Tỉnh ủy (nếu cần thiết).

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chủ trương đầu tư dự án của UBND tỉnh hoặc Văn bản thông báo từ chối quyết định chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

8. Phí, lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu số I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Đề xuất dự án đầu tư theo Mẫu số I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước và của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư trong nước khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC thuộc một trong các trường hợp sau:

- Dự án được nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua một trong các cách thức sau: (i) đấu giá quyền sử dụng đất, (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất hoặc (iii) nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Không bao gồm các dự án thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất (Không bao gồm các dự án thực hiện trong KCN, KCX, KCNC, KKT phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Dự án sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật đầu tư phù hợp với quy hoạch và thực hiện ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

- Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; chấp thuận địa điểm đầu tư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc sửa đổi một số điều Quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; chấp thuận địa điểm đầu tư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 22/2018/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa

Ghi chú: Thủ tục hành chính sửa đổi trình tự thực hiện, căn cứ pháp lý.

MẪU ĐƠN, TỜ KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: CÓ

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
Kính gửi: *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam)*:

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (*chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam*):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (*tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo*).
- Các hồ sơ liên quan khác (*nếu có*):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*)

Mẫu I.2
Đề xuất dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư –
Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường/phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2			

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (*m² hoặc ha*):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...*):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (*áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (*địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý*);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (*nếu có*);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) **Vốn cố định:** ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) **Vốn lưu động:** (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) **Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):**

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) **Vốn huy động:** ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) **Vốn khác:**

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ,).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)